

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU PHÚ
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 414/2018/HNGĐ-ST

Ngày : 07 – 9 – 2018

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU PHÚ, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Yến Anh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Thu Sương;

2. Ông Đỗ Sơn Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Dương Thùy Dung – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Phú.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Tuấn Khanh – Kiểm sát viên

Trong ngày 07 tháng 9 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 116/2018/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2018 về “Tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 7 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số: 101/2018/QĐST-HNGĐ ngày 24 tháng 7 năm 2018; thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số: 34/TB-TA ngày 10 tháng 8 năm 2018, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hồ Thị Kim T, sinh năm 1975. Địa chỉ cư trú: Ấp VT, xã V, huyện P, tỉnh An Giang (Có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Lâm Thành Đ, sinh năm 1966. Địa chỉ cư trú: Tổ 17, ấp VT, xã V, huyện P, tỉnh An Giang (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 3 năm 2018, nguyên đơn bà T trình bày như sau: Bà T và ông Đ kết hôn năm 2002, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã V. Thời gian chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên không còn thương nhau, ông Đ cũng thống nhất ly hôn với bà T. Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà T được ly hôn với ông Đ. Quá trình chung sống, vợ chồng có 01 con chung tên Lâm Thị TT, sinh ngày 03/10/2005, hiện con đang do bà T trực tiếp nuôi, khi ly hôn bà T yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng cho con. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Trong thời hạn chuẩn bị xét xử vụ án, ông Đ đã được tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ nhưng vắng mặt và không có văn bản trình bày ý kiến.

Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với ông Đ; yêu cầu tiếp tục nuôi con chung, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng cho con. Về quan hệ tài sản chung, quan hệ nợ chung: Không có.

- Bị đơn ông Đ: Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Phú phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70; Điều 71 của Bộ luật tố tụng dân sự; bị đơn ông Đ vắng mặt trong thời hạn chuẩn bị xét xử, tại phiên tòa là không thực hiện đúng nghĩa vụ tham gia tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ tham gia tố tụng.

- Về việc giải quyết vụ án:

+ Bà T và ông Đ chung sống với nhau có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng, phù hợp với quy định tại Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình. Thời gian chung sống, bà T trình bày có mâu thuẫn, ông Đ không đến Tòa án trình bày ý kiến về quan hệ hôn nhân, vợ chồng ly thân đã lâu nên tình trạng hôn nhân trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T. Về quan hệ con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giao con chung tên Lâm Thị TT cho bà T tiếp tục nuôi là phù hợp với nguyện vọng của con. Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giải quyết vụ án đúng quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết: Ông Đ có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp VT, xã V, huyện P, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Châu Phú thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Bị đơn ông Đ đã được triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vẫn tiến hành xét xử vụ án;

[2] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Theo trình bày của bà T, vợ chồng chung sống có đăng ký kết hôn nên được pháp luật công nhận là vợ chồng, phù hợp với quy định tại Khoản 1 Điều 8, Khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Xét thấy, trong thời hạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa ông Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, không có ý kiến về yêu cầu ly hôn của bà T, xác minh thực tế giữa bà T và ông Đ cũng ly thân thời gian đã lâu, Tòa án tiến hành xác minh về nguyên nhân mâu thuẫn được Hội phụ nữ cung cấp thông tin chị T là hội viên giỏi của Hội phụ nữ ở địa phương, vượt khó nuôi con ăn học thành tài, ông Đ là chồng chị T nhưng hiện không còn chung sống với chị T, chỉ một mình chị T đi làm nuôi con. Điều đó cho thấy, ông Đ không quan tâm đến cuộc sống gia đình, không có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của bà T. Tại phiên tòa, biên bản hòa giải, bà T cho rằng vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, không còn tình cảm với ông Đ, xác định không thể tiếp tục chung sống với nhau, không tạo điều kiện để vợ chồng đoàn tụ. Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Đ thật sự lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

- Về quan hệ con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Lâm Thị TT, sinh ngày 03/10/2005; con đang được bà T trực tiếp nuôi. Đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con, có xem xét nguyện vọng của Tiên là được sống với bà T, về điều kiện thu nhập của bà T đảm bảo điều kiện nuôi con, đảm bảo điều kiện học tập của con, nuôi dạy con tốt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận giao con chung tên Lâm Thị TT cho bà T được trực tiếp nuôi, bà T không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Đ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về quan hệ tài sản chung, nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, bà T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0002542 ngày 19 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 8; Khoản 1 Điều 9; khoản 1 Điều 56; khoản 3 Điều 81; khoản 3 Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;

- Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Hồ Thị Kim T được ly hôn với ông Lâm Thành Đ.

- Về quan hệ con chung: Bà Hồ Thị Kim T được trực tiếp nuôi con chung tên Lâm Thị TT, sinh ngày 03/10/2005. Bà T không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bà T cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Đ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

- Về quan hệ tài sản chung và quan hệ nợ chung: Không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- Về án phí sơ thẩm: Bà T phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2016/0002542 ngày 19 tháng 3 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Phú.

- Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND.AG;
- VKSND.HCP;
- THA HCP;
- Đương sự (Để thi hành);
- Lưu hồ sơ, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Yến Anh